

DO NOT USE FOR INJECTION

HEMAFOLIC

HEMAFOLIC

Dung dịch uống

CÔNG THỨC:

Phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymalose tinh theo ion sắt (III) 100mg;
Acid folic 1mg
Tá dược vừa đủ 10g/10ml

CHỈ ĐỊNH:

Phòng ngừa và điều trị thiếu máu do thiếu sắt, thiếu acid folic ở phụ nữ có thai và cho con bú.

Trong các trường hợp gia tăng nhu cầu về sắt trong thời kỳ kinh nguyệt, suy dinh dưỡng, bán thân, mất máu, bệnh giun móc, trẻ em trong giai đoạn phát triển.

LIỀU DÙNG:

Theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc, trung bình:

NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM TRÊN 12 TUỔI:

Điều trị: Mỗi lần uống 1 ống, ngày 2-3 lần.

Dự phòng: Mỗi lần uống 1 ống, ngày 1 lần.

Uống trước bữa ăn 1 giờ hay sau bữa ăn 2 giờ

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

Bảo quản: Ở nhiệt độ không quá 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ MÁY: 930 CA, Đường C, KCN Cát Lái, ckm 2,
P.Thành Mỹ Lợi, Q.2, TP. HCM

Oral solution

COMPOSITION:

Iron (III) hydroxide polymalose complex equivalent to iron (III) ion 100mg
Folic acid 1mg
Excipients q.s.f 1 ampoule of 10ml

INDICATIONS:

Prevention and treatment of anemia due to iron and folic acid deficiencies in pregnancy and lactation.

In cases of increasing in iron supplementation in menstrual periods, malnutrition, post-operative, blood loss, hookworm disease, adolescent growth.

DOSAGE:

Recommended dosage or as prescribed by the physician, usually:

ADULTS AND CHILDREN OVER 12 YEARS OLD:

Treatment: Orally 1 ampoule, 2 - 3 times daily

Prevention: Orally 1 ampoule, once daily

Take 1 hour before meals or 2 hours after meals.

CONTRAINDICATION AND THE OTHER INFORMATION:

Read the leaflet inside.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

CAREFULLY READ THE LEAFLET BEFORE USE

STORAGE: Not more than 30°C, in dry place, protect from light.

HEMAFOLIC

Box of 10 ampoules of 10ml

HEMAFOLIC
Dung dịch uống

CÔNG THỨC:

Phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose
tính theo ion sắt (III) 100 mg
Acid folic 1 mg
Tá dược: Natri hydroxyd, dung dịch sorbitol 70%, đường trắng,
bột hướng dầu, methyl hydroxybenzoat, propyl hydroxybenzoat,
ethanol 96%, nước tinh khiết vừa đủ 1 ống 10 ml

CHỈ ĐỊNH:

- Phòng ngừa và điều trị thiếu máu do thiếu sắt, thiếu acid folic ở phụ nữ có thai và cho con bú.
- Trong các trường hợp gia tăng nhu cầu về sắt trong thời kỳ kinh nguyệt, say dinh dưỡng, hậu phẫu, mất máu, bệnh glux máu, trẻ em trong giai đoạn phát triển.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Người bệnh mẫn cảm với các thành phần của thuốc.
- Cơ thể thừa sắt. Bệnh mô nhiễm sắt, nhiễm hemosiderin và thiếu máu tan máu.
- Người bệnh bị u ác tính hoặc ughị ngờ có khối u.
- Thiếu máu không do thiếu sắt, thiếu acid folic.

THẬN TRỌNG:

- Không nên dùng sắt dạng tiêm cùng với sắt dạng uống để tránh quá thừa sắt.
- Không dùng sắt cho người bệnh được truyền máu nhiều lần, do có một lượng sắt đáng kể trong hemoglobin của hồng cầu được truyền.
- Không dùng cho người có nghi ngờ loét dạ dày, viêm ruột hồi hay viêm loét ruột kết mạn.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

- * Liên quan đến phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose:
 - Không có tương tác với thức ăn và các thuốc khác do sắt tồn tại ở dạng phức hợp với polymaltose nên không bị ion hóa.
- * Liên quan đến acid folic:
 - Dùng đồng thời acid folic với các thuốc chống co giật có thể làm giảm nồng độ thuốc chống co giật trong huyết thanh.
 - Folate và sulfasalazine: Hấp thu folat có thể bị giảm.
 - Folate và thuốc tránh thai uống: Làm giảm chuyển hóa của folat và gây giảm folat và vitamin B₁₂ ở một mức độ nhất định.
 - Acid folic và cotrimoxazol: Cotrimoxazol làm giảm tác dụng điều trị thiếu máu nguyên hồng cầu không lồ của acid folic.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

- Thuốc dùng được cho phụ nữ có thai và cho con bú

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

- Thuốc không gây ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

- * Phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose
 - Khi uống có thể gây chứng táo bón, tiêu chảy, đi tiểu phân đen, buồn nôn và đau thượng vị.
 - Có thể làm rặn đau tạm thời (do dạng dung dịch uống nên dùng ống hút).
- * Acid folic
 - Nói chung acid folic dung nạp tốt, hiếm gặp: Ngứa, nổi ban, mày đay, Có thể có rối loạn tiêu hóa.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ:

Các đặc tính dược lực học:

- * Liên quan đến phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose:
 - Sắt là thành phần của hemoglobin. Phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose được dùng để chữa các rối thường trong tạo hồng cầu do thiếu sắt. Sắt không kích thích tạo hồng cầu, cũng không hiệu chỉnh rối loạn hemoglobin trong thiếu máu không do thiếu sắt gây ra.
 - Ion sắt là thành phần của một số enzyme cần thiết cho sự chuyển hóa năng lượng (ví dụ như cytochrom oxidase, xanthin oxidase, succinic dehydrogenase) và cũng hiện diện trong các thành phần cấu tạo cho sự

vận chuyển và tiêu thụ oxy (ví dụ như hemoglobin, myoglobin). Các cytochrom đáp ứng như là một chất vận chuyển trung gian cho điện tử giải trong tế bào. Hemoglobin là chất vận chuyển oxy từ phổi đến tế bào và myoglobin để dùng để dự trữ oxy ở cơ. Sự thiếu hụt sắt có thể cản trở sự sống và dẫn đến bệnh tật và tử vong.

- * Phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose là một oxid sắt tạo trong nước, có những ưu điểm vượt trội so với các chế phẩm chứa sắt khác:
 - + Không kích ứng niêm mạc ruột.
 - + Có vị dễ chịu, không có mùi tanh của sắt.
 - + Dễ dàng hấp thu.

Liên quan đến acid folic

- * Acid folic là vitamin thuộc nhóm B. Trong cơ thể nó được khử thành tetrahydrofolat là cocozym của nhiều quá trình chuyển hóa trong đó có tổng hợp các nucleotid có nhân purin hoặc pyrimidin, do vậy ảnh hưởng lên tổng hợp DNA. Khi có vitamin C, acid folic được chuyển thành leucovorin là chất cần thiết cho sự tổng hợp DNA và RNA. Acid folic là yếu tố không thể thiếu được cho tổng hợp nucleoprotein và tạo hồng cầu bình thường; thiếu acid folic gây ra thiếu máu hồng cầu không lồ giống như thiếu máu do thiếu vitamin B₁₂. Acid folic cũng tham gia vào một số biến đổi acid amin, vào sự tạo thành và sử dụng format.

- * Sự phối hợp giữa phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose với acid folic để cung cấp sắt cho cơ thể và có tác dụng tối đối với thiếu máu cho phụ nữ mang thai và cho con bú

Các đặc tính dược động học:

- * Liên quan đến phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose:
 - Hấp thu: Phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose được hấp thụ tại ruột non, quá trình hấp thu bằng cơ chế vận chuyển chủ động, và chậm hơn các chế phẩm chứa sắt khác. Sự hấp thu chậm tạo nên tính an toàn cho việc sử dụng phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose.
 - Phân bố: Phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose sau khi hấp thụ sẽ giải phóng sắt. Sắt đã được tích ra liên kết ngay với protein để tạo thành hemosiderin hoặc ferritin, hoặc một phần tạo thành transferrin. Cuối cùng sẽ liên kết với protein, bổ sung cho dự trữ sắt thiếu hụt và gia nhập vào hemoglobin.
 - Thải trừ: Chủ yếu qua phân, một phần, mồ hôi, chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ và sữa mẹ.
- * Liên quan đến acid folic:
 - Acid folic giải phóng nhanh ở dạ dày và hấp thu chủ yếu ở đoạn đầu ruột non. Acid folic trong chế độ ăn bình thường hấp thu rất nhanh và phần lớn ở các mô trong cơ thể. Thuốc được tích trữ chủ yếu ở gan và được tập trung tích cực trong dịch não tủy. Mỗi ngày khoảng 4 - 5 microgam đào thải qua nước tiểu. Uống acid folic liên tục làm lượng vitamin đào thải qua nước tiểu tăng lên theo tỉ lệ thuận. Acid folic đi qua nhau thai và có trong sữa mẹ.

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:

- Trong trường hợp quá liều, khởi đầu đau vùng thượng vị, tiêu chảy, nôn mửa có thể xảy ra. Chuyển hóa acid, co giật, hôn mê xuất hiện, sau giai đoạn hồi phục ban đầu. Cấp cứu rất quan trọng trong quá liều. Đầu tiên gây nôn, kể đến rửa dạ dày và những biện pháp hỗ trợ tổng quát cần thiết.

LIỀU DÙNG: Theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc, trong hình cho người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

- Điều trị: Mỗi lần uống 1 ống, ngày 2-3 lần.
- Dự phòng: Mỗi lần uống 1 ống, ngày 1 lần.
- Uống trước bữa ăn 1 giờ hay sau bữa ăn 2 giờ

Tránh bẫy: Hộp 10 ống x 10 ml

Điều kiện bảo quản:

Ở nhiệt độ không quá 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất: Theo TCCS

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC TRƯỚC KHI BÙNG
NẾU CẦN THIÊM THÔNG TIN, Xin hỏi ý kiến THẦY THUỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP HCM

ĐT: (08) 38687355

FAX: (84) 8 38687356

303 MÃY VŨO GI, Đường C, KCN Chi Lanh, Quận 2, TP HCM